

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
ĐẾN SỐ: 1695
Ngày: 29/3/2015

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2332/BNN-TCLN
Về việc triển khai thực hiện Nghị định
75/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

- Chi cục Kiểm
đốt Xứ và Trung Miền
Phụ ICU TC, QLXDCT
- Lữ Đoàn 1
S

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực hiện ngay từ năm 2016. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung về khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, hỗ trợ trồng rừng và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Khoán bảo vệ rừng

Việc khoán bảo vệ rừng được thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 4545/BNN-TCLN ngày 23 tháng 12 năm 2013 về việc khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, trong đó:

Bên giao khoán bao gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng, Công ty lâm nghiệp, UBND cấp xã; Bên nhận khoán bao gồm: hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi (sau đây gọi chung là hộ gia đình); Cộng đồng dân cư thôn tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi (sau đây gọi tắt là cộng đồng dân cư thôn).

Diện tích rừng giao khoán: Diện tích rừng được nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng và Ban quản lý rừng phòng hộ; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên được Nhà nước giao cho Công ty lâm nghiệp quản lý; diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) quản lý.

2. Hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung

a) Hỗ trợ bảo vệ rừng: thực hiện đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền, thực hiện bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao, được UBND cấp xã nghiệm thu kết quả hàng năm.

b) Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung (sau đây viết tắt là KNTS): tiến hành trên cơ sở kết quả KNTS của các hộ gia đình thực hiện KNTS trên diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ và rừng sản

xuất, theo đúng thiết kế, dự toán được duyệt, được UBND cấp xã nghiệm thu hàng năm. Cơ quan lập, phê duyệt thiết kế, dự toán ở địa phương do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) quy định.

Diện tích đưa vào KNTS cần đáp ứng các tiêu chí theo Quy phạm kỹ thuật số QPN 21-98 ban hành kèm theo Quyết định số 175/1998/QĐ/BNN-KHCN ngày 04 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; trồng rừng phòng hộ

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; trồng rừng phòng hộ được thực hiện thông qua Dự án bảo vệ và phát triển rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt:

+ Đối với hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: thực hiện theo quy định tại Mục 3, Phần II (Trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư trồng rừng (hỗ trợ trước)), Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BKHĐT-BNNPTNT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 147/2007/QĐ-TTg và Quyết định 66/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với hỗ trợ trồng rừng phòng hộ: thực hiện theo Hợp đồng trồng rừng và hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt.

- Các hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; trồng rừng phòng hộ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền), theo đúng thiết kế, dự toán được phê duyệt, được nghiệm thu kết quả hàng năm. Cơ quan lập, phê duyệt thiết kế, dự toán ở địa phương do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định.

- Căn cứ danh mục các loài cây chủ lực trồng rừng sản xuất và danh mục các loài cây chủ yếu trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định danh mục loài cây, nhóm loài cây được hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy

Việc trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy được tiến hành đối với các hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất đã giao cho các hộ gia đình (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền).

UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ cho chủ đầu tư dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản, trồng rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP tổ chức cấp gạo cho từng hộ gia đình trong vùng

dự án theo định kỳ tại mỗi thôn, bản nơi hộ gia đình cư trú. Tùy tình hình thực tế tại địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định số lần hỗ trợ, mức hỗ trợ từng lần, nhưng tối đa không quá 03 (ba) tháng một lần.

Căn cứ vào dự án được duyệt và hướng dẫn tại văn bản này, chủ đầu tư lập danh sách các hộ gia đình, số lượng gạo trợ cấp cho từng hộ gia đình trong thôn theo mẫu biểu số 05 kèm theo văn bản này.

Khi các hộ gia đình bắt đầu thực hiện trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ thì mới tiến hành trợ cấp gạo. Việc trợ cấp gạo phải có chữ ký của đại diện hộ gia đình nhận trợ cấp gạo theo mẫu biểu số 06 kèm theo văn bản này.

II. NGHIỆM THU KẾT QUẢ

Thực hiện theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên; Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN ngày 19 tháng 06 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 06/2005/QĐ-BNN ngày 24 tháng 01 năm 2005.

III. LẬP KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kinh phí khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung; trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy năm sau, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch chung toàn quốc, cụ thể:

1. Xác định diện tích, nhu cầu kinh phí khoán bảo vệ rừng cho từng đối tượng, loại rừng theo hướng dẫn tại mục I và mẫu biểu số 01 kèm theo văn bản này.

2. Xác định diện tích, nhu cầu kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng có trồng bổ sung cho từng đối tượng, từng loại rừng theo hướng dẫn tại mục I và mẫu biểu số 02, 03 kèm theo văn bản này.

3. Xác định nhu cầu trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy theo hướng dẫn tại mục I và mẫu biểu số 04 kèm theo văn bản này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCLN.



Hà Công Tuấn

TT	Họ và tên chủ hộ/Tên cộng đồng dân cư thôn	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, loại rừng nhận khoán bảo vệ										Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Vị trí			Loại rừng (đánh dấu "X" vào loại rừng tương ứng)							
						Tiểu khu	Khoản h	Lô	Rừng tự nhiên			Rừng trồng				
									ĐD	PH	SX	ĐD	PH	SX		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Xã.....															
	Nguyễn Văn A															
															
	Cộng đồng dân cư thôn A															
															
2	Xã.....															
															
I.1.2	Xã khu vực III															
	Xã.....															
															
	Xã.....															
															
I.2	Huyện.....															

TT	Họ và tên chủ hộ/Tên cộng đồng dân cư thôn	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, loại rừng nhận khoán bảo vệ											Ghi chú
					Diện tích (ha)	Vị trí			Loại rừng (đánh dấu "X" vào loại rừng tương ứng)							
						Tiểu khu	Khoản h	Lô	Rừng tự nhiên			Rừng trồng				
									ĐD	PH	SX	ĐD	PH	SX		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	(lặp lại tương tự mục I.1)															
II	Tên tổ chức giao khoán 2 (BQL rừng PH, DD; CTLN, UBND cấp xã)															
	(lặp lại tương tự mục I)															
B	Đối tượng dự kiến nhận khoán trong năm kế hoạch (chưa có hồ sơ, hợp đồng khoán)															
	(lặp lại tương tự mục A)															

Ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

Lập biểu

UBND TỈNH.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ NHẬN HỖ TRỢ BẢO VỆ RỪNG NĂM

TT	Họ và tên chủ hộ/Tên cộng đồng dân cư thôn	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, loại rừng được giao						Ghi chú
					Diện tích (ha)	Vị trí			Loại rừng (đánh dấu "X" vào loại rừng tương ứng)		
						Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Rừng PH	Rừng trồng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG										
I	Huyện.....										
I.1	Xã khu vực II										
1	Xã.....										
	Nguyễn Văn A										
										
	Cộng đồng dân cư thôn A										
										
2	Xã.....										
										
I.2	Xã khu vực III										
	Xã.....										
										

TT	Họ và tên chủ hộ/Tên cộng đồng dân cư thôn	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, loại rừng được giao						Ghi chú
					Diện tích (ha)	Vị trí			Loại rừng (đánh dấu "X" vào loại rừng tương ứng)		
						Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Rừng PH	Rừng trồng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Xã.....										
										
II	Huyện.....										

Lập biểu

Ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

UBND TỈNH.....

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ KHOANH NUÔI XÚC TIỀN TÁI SINH RỪNG CÓ TRỒNG BỒ SUNG NĂM

TT	Họ và tên chủ hộ	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, trạng thái đất lâm nghiệp được giao					Trạng thái đất LN được giao	Hỗ trợ năm thứ.....	Mức hỗ trợ/ha (tr.đ)	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (tr.đ)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Vị trí								
						Tiểu khu	Khoảnh	Lô						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG (A+B)													
A	Khoanh nuôi mới													
I	Huyện.....													
I.1	Xã khu vực II													
1	Xã.....													
	Nguyễn Văn A													
													
													
2	Xã.....													
													

TT	Họ và tên chủ hộ	Thôn, xóm	Dân tộc	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, trạng thái đất lâm nghiệp được giao				Trạng thái đất LN được giao	Hỗ trợ năm thứ.....	Mức hỗ trợ/ha (tr.đ)	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (tr.đ)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Vị trí							
						Tiểu khu	Khoảnh	Lô					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I.2	Xã khu vực III												
	Xã.....												
												
	Xã.....												
												
II	Huyện.....												
B	Khoanh nuôi chuyên tiếp												
	<i>(Lập lại tương tự mục A)</i>												

Ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

Lập biểu

UBND TỈNH.....

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU TRỢ CẤP GẠO TRỒNG RỪNG THAY THẾ NƯƠNG RẶY
NĂM**

STT	Tên Dự án, chủ hộ gia đình	Thôn, xóm	Dân tộc	Số khẩu	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, trạng thái đất lâm nghiệp được giao				Diện tích trồng rừng (ha)			Hỗ trợ năm thứ	Số lượng gạo trợ cấp (kg)	Ghi chú	
						Diện tích (ha)	Vị trí			Trạng thái đất LN trước khi trồng rừng	Trồng rừng phòng hộ	Trồng rừng sản xuất				Phát triển LSNG
							Tiểu khu	Khoá nh	Lô							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng (A+B+....)															
A	Dự án trồng rừng (tên dự án, số QĐ đầu tư)															
I	Huyện.....															
I.1	Xã khu vực II															
1	Xã.....															
	Nguyễn Văn A															
															

STT	Tên Dự án, chủ hộ gia đình	Thôn, xóm	Dân tộc	Số khẩu	Đối tượng (nếu thuộc hộ nghèo thì đánh dấu "X", còn lại bỏ trống)	Diện tích, vị trí, trạng thái đất lâm nghiệp được giao				Diện tích trồng rừng (ha)			Hỗ trợ năm thứ	Số lượng gạo trợ cấp (kg)	Ghi chú	
						Diện tích (ha)	Vị trí			Trạng thái đất LN trước khi trồng rừng	Trồng rừng phòng hộ	Trồng rừng sản xuất				Phát triển LSNG
							Tiểu khu	Khoảnh	Lô							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
															
2	Xã.....															
															
I.2	<i>Xã khu vực III</i>															
B	Dự án trồng rừng (tên dự án, số QĐ đầu tư).....															
	(lập lại tương tự như mục A)															

Ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

Lập biểu

Huyện.....
Xã

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ TRỒNG RỪNG PHÒNG HỘ, TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN LÂM SẢN
NGOÀI GỖ Thôn.....

STT	Tên chủ hộ gia đình	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích trồng rừng (ha)			Số lượng gạo trợ cấp năm 20.... (Kg)	Ghi chú
				Trồng rừng phòng hộ	Trồng rừng sản xuất	Phát triển LSNG		
	Tổng cộng							

....., ngày....tháng....năm.....
Chủ đầu tư
(họ tên, chữ ký)

Huyện.....
Xã

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỘ GIA ĐÌNH THÔN.....NHẬN TRỢ CẤP GẠO
Tháng.....năm.....

TT	Tên chủ hộ gia đình	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có					Diện tích đã được trồng rừng (ha)			Số lượng gạo trợ cấp (kg)	Ký nhận hoặc điểm chỉ
				Địa danh	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	DT(ha)	Rừng PH	Rừng SX	Phát triển LSNG		
	Tổng												

.....,ngày....tháng....năm.....

Chủ đầu tư
(họ tên, chữ ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TRỢ CẤP GẠO

Cho chủ hộ tham gia trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ

Cấp cho ông (bà):.....

Địa chỉ: Thôn.....xã..... Huyện.....tỉnh.....

Số số:.....

BẢNG THEO DÕI TRỢ CẤP GẠO

Ngày cấp	Duyệt cấp			Diện tích rừng đã được trồng (ha)				Thực cấp			
	Số khẩu	Diện tích đăng ký trồng rừng (ha)	Số lượng gạo trợ cấp (kg)	Tổng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Phát triển LSNG	Số lượng gạo thực cấp (kg)	Họ và tên người giao gạo	Họ và tên người nhận gạo	Chữ ký của người nhận gạo